TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/DS-ST
Ngày: 02/10/2019
"*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông **Trương Thanh Giảng**

2. Bà **Nguyễn Thị Bạch Vân**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Tùng** – Thư ký Tòa án N dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát N dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án N Dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019 về: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/QĐST - DS, ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐ-HPT ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị T P**, sinh năm: 1976. Có mặt

Địa chỉ: Ấp BO, xã DH, huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: 1/ Anh **Lý VT**, sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt)

3/ Chị **Dương Thị MN**, sinh năm: 1990. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Mũi Dừa, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và các lời khai tại tòa án bà Trịnh Thị T P trình bày như sau: Khoảng tháng 4/2017 chị có thuê anh Lý VT đi ghe cho chị, trong

thời gian đi ghe cho chị thì anh T có hỏi mượn tiền nhiều lần tổng số tiền 12.700.000đ và hứa trừ vào tiền đi ghe nếu nghỉ thì trả lại số tiền này, đến tháng 7/2018 anh T nghỉ không đi ghe mà đi làm công ty nhưng không trả tiền cho chị.

Trong khi đi làm ghe chị có xuất tiền 2.900.000đ mua một cái lưới để anh T sử dụng khi đi ghe cho chị và có nói cho anh T trừ vào tiền đi ghe mỗi lần 100.000đ nhưng anh T đi được 13 lần thì nghỉ không đi ghe cho chị nữa nên chị không đồng ý cho trừ tiền lưới vì trong thời gian đi ghe này anh T có hỏi mượn tiền của chị một lần 800.000đ, vợ anh T mượn 300.000đ nhưng số tiền này chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Chị yêu cầu anh T chị N trả số tiền 12.700.000đ không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Dương Thị MN trình bày: Trước đây chồng chị anh Lý VT có đi ghe cho chị P và có nợ chị P số tiền 12.700.000đ số tiền này chồng chị mượn của chị P nhiều lần mỗi lần một ít để chi tiêu, cách đây khoảng hơn 03 tháng thì ghe chị P Nghỉ chị P có sang nói kiếm ghe khác đi vài ngày khi nào ghe chị P đi lưới tiếp thì chị kêu nên chồng chị đi ghe cho người khác. Trong thời gian đi ghe cho chị P thì chị P có bỏ ra số tiền 2.900.000đ mua lưới để chồng chị sử dụng khi đi ghe và nói cho trừ vào tiền đi ghe mỗi lần 100.000đ chồng chị đi được 13 lần theo như thỏa thuận thì chị P phải trừ vào tiền lưới cho vợ chồng chị 1.300.000đ nhưng chị P không đồng ý trừ, nay chị không yêu cầu giải quyết về số tiền 1.300.000đ và đồng ý trả số tiền 12.700.000đ nhưng xin trả mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2019 anh Lý VT trình bày: anh thừa nhận vợ chồng anh có nợ chị Trịnh Thị T P số tiền 12.700.000đ số tiền này là hỏi vay mượn nhiều lần mỗi lần một ít để chi tiêu. Trong thời gian đi ghe cho chị P thì giữa anh và chị P có thỏa thuận chị P bỏ ra số tiền 2.900.000đ mua lưới sau đó chị P lấy lại mỗi ngày 100.000đ khi ghe có đi đánh bắt, anh đã trừ tiền lưới được 13 ngày = 1.300.000đ còn lại 1.600.000đ thì chị P không cho lấy lưới. Số tiền lưới chưa trừ vào số tiền nợ 12.700.000đ và cũng không còn khoản nợ nào khác. Việc thỏa thuận đi ghe trừ tiền lưới giữa hai bên chỉ nói miệng không có viết biên nhận giấy tờ gì. Về số tiền nợ chị P 12.700.000đ do anh không có việc làm nên xin trả dần như ý kiến của vợ anh (chị N) mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu và đề nghị giải quyết vụ kiện như sau: Về tố tụng, việc tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền cũng như nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Lý VT có đơn xin vắng mặt, do đó Tòa án đưa ra xét xử là đúng

pháp luật và anh T được thực hiện quyền của mình khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ kiện, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ vay là có cơ sở, bởi việc này chứng minh qua tờ giấy cam kết, do bị đơn vi phạm thỏa thuận thanh toán ghi trong tờ giấy cam kết nên nguyên đơn khởi kiện là đúng pháp luật. Qua đó đề nghị giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo yêu cầu, đồng thời bị đơn phải chịu án phí theo giá ngạch, hoàn trả án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Trịnh Thị T P yêu cầu chị Dương Thị MN và anh Lý VT trả nợ vay, các bên đương sự đều có địa chỉ cư trú tại huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Kiên Lương.

Đối với bị đơn anh Lý VT có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ kiện, chị P khởi kiện yêu cầu anh T chị N trả số tiền 12.700.000đ và có cung cấp chứng cứ chứng minh là tờ cam kết đề ngày 07/01/2019 do chị N và anh T ký tên có nội dung anh T nợ chị Trịnh Thị T P số tiền 12.700.000đ hẹn đến qua tết khi đi ghe ổn định sẽ trả tiền chị P trường hợp không kiếm được ghe để làm thì sẽ đi ghe lại cho chị P. Trong khi đó chị N, anh T khai và thừa nhận tờ cam kết đề ngày 07/01/2019 do chị P cung cấp là do anh T chị N ký tên, quá trình anh T đi ghe cho chị P giữa anh và chị P có thỏa thuận chị P bỏ ra số tiền 2.900.000đ để mua lưới và sẽ cho anh T trừ mỗi lần ghe đi đánh bắt là 100.000đ anh T đã đi ghe được 13 lần = 1.300.000đ tại phiên tòa chị N cũng không yêu cầu giải quyết về số tiền này mà đồng ý trả số nợ 12.700.000đ và xin trả dần mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ.

Xét yêu cầu của chị P là có cơ sở chấp nhận. Bởi chị P khởi kiện có cung cấp chứng cứ chứng minh là tờ cam kết đề ngày 07/01/2019 vay 12.700.000đ, việc này chị chị N anh T cũng thừa nhận tờ cam kết do anh chị ký nên chị anh T chị N phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị P. Từ đó xác định việc vay mượn tiền giữa chị P với chị N anh T là có thật, do chị N anh T vi phạm nghĩa vụ nên chị P khởi kiện yêu cầu trả tiền là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định:*"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tiền cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định"*

Tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*

Việc anh T chị N trình bày giữa anh T và chị P có thỏa thuận việc mua lưới 2.900.000đ và đi ghe trừ tiền mỗi lần 100.000đ đã trừ được 13 lần = 1.300.000đ tại phiên tòa chị N không yêu cầu giải quyết về số tiền này nên không xem xét.

Như vậy chị N anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền 12.700.000đ.

Việc chị N anh T xin trả chậm 300.000đ/tháng, trong khi chị P không chấp nhận, việc này là thuộc thẩm quyền xem xét của Cơ quan thi hành án sau khi án có hiệu lực pháp luật, nên không xét.

[3] Về án phí: chị N anh T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả nợ; chị P khởi kiện được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

2. Xử buộc chị Dương Thị MN và anh Lý VT có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị T P số tiền **12.700.000đ** ***(Mười hai triệu, bảy trăm ngàn đồng)***.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Chị Dương Thị MN và anh Lý VT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 635.000đ.

Chị Trịnh Thị T P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 317.500đ theo lai thu số 0004516 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

4. Quyền kháng cáo: Chị P, chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/10/2019), anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ.
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thủy